

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST

Ngày: 13/12/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Lộc

Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2015/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2021/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ trợ V.

Địa chỉ: 213 A, phường B, Quận C, Thành phố D.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Kinh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 50/4 E, phường F, quận G, Thành phố D.

- *Bị đơn:* ông Phạm Văn D, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp H, xã I, huyện K, Thành phố Hồ D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hợp tác xã sản xuất M.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện N, Thành phố D.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thành T – Giám đốc.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện N, Thành phố D.

2. Bà Trần Thị O, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp H, xã I, huyện K, Thành phố Hồ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Kinh T trình bày:

Ngày 28 tháng 12 năm 2011 Quỹ trợ V đã đăng ký hợp đồng trách nhiệm với Hợp tác xã T để làm cấp liên nhiệm cho Quỹ V, hợp đồng số: XXX/HĐTN-TT-CCM/2011. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các xã viên mua bột sản xuất muối theo chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của Thành phố giai đoạn 2011-2015.

Thông qua hoạt động trợ vốn của Quỹ V, ngày 28/12/2011 Quỹ V đã trợ vốn cho ông Phạm Văn D số tiền: 50.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, phí trợ vốn 0.7%/tháng, phí CLN: 0.15%/tháng, tính theo phương thức góp, hình thức trả làm 3 kỳ (12 tháng trả 1 kỳ).

Đến nay, ngày 01/03/2015 đợt vay đã hết hạn nhưng ông Phạm Văn D vẫn còn nợ Quỹ V vốn: 33.200.000 đồng, phí trợ vốn: 8.400.000 đồng, phí CLN: 1.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông D phải trả cho Quỹ V là 43.400.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Quỹ V đã liên tục đôn đốc đòi nợ nhưng ông D cố tình lẩn tránh không chịu hoàn trả số tiền trên.

Vì vậy, Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn D và vợ là bà Trần Thị O có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ trợ V số tiền: 43.400.000 đồng và không yêu cầu trả lãi và các khoản phí phát sinh. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Văn D trình bày:

Ngày 28/12/2011, ông Phạm Văn D có mượn của Quỹ V số tiền 43.400.000 đồng, nhưng ông có lô muối gửi cho Hợp tác xã T để trả nợ dùm, lô muối trên có giá trị là 40.000.000 đồng. Vì vậy nên ông không còn nợ Quỹ trợ V nữa.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Hợp tác T là ông Phan Thành T trình bày:

Theo lời khai của ông Phạm Văn D thì trong phần nợ mà ông Phạm Văn D còn nợ Quỹ trợ V (gọi tắt là quỹ V) theo hợp đồng liên kết ba bên giữa Hợp tác xã T, quỹ V và ông Phạm Văn D thì ông D đã gửi muối cho Hợp tác xã T để trả nợ giùm. Tuy nhiên Hợp tác xã T không có nhận phần muối nói trên vì vậy Hợp tác xã T không có trách nhiệm với khoản nợ nói trên. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O: Bà O vắng mặt tại phiên tòa và quá trình giải quyết cũng không có văn bản phản hồi về yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết

theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn D có nơi cư trú tại ấp H, xã I, huyện K, Thành phố Hồ D.. Do đó, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Kinh T và người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã T ông Phan Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Phạm Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 28 tháng 12 năm 2011 Quỹ trợ vốn V đã đăng ký hợp đồng trách nhiệm với Hợp tác xã T để làm cấp liên nhiệm cho Quỹ V, hợp đồng số: XXX/HĐTN-TT-CCM/2011. Mục đích của Hợp đồng số XXX/HĐDTN-TT-CCm/2011 ngày XX tháng XX năm XXX là hỗ trợ vốn cho các xã viên mua bột sản xuất muối theo chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của Thành phố giai đoạn 2011-2015.

Ông Phạm Văn D có làm đơn xin trợ vốn gửi đến Giám đốc Quỹ trợ V, có tên trong Danh sách đề nghị trợ vốn của xã viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã đơn vị Hợp tác xã T ngày XX tháng XX năm XXXX, cũng như ký tên vào Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn từ Quỹ V ngày 28/12/2011 với số tiền nhận là 50.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, phí trợ vốn 0.7%/tháng, phí CLN: 0.15%/tháng, tính theo phương thức góp, hình thức trả làm 3 kỳ (12 tháng trả 1 kỳ).

Tại thời điểm ký Biên bản bàn giao vốn ngày 28/12/2011, ông Phạm Văn D có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết vào Biên bản bàn giao vốn ngày 28/12/2011 ông D có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, thời điểm xác lập hợp đồng phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên ghi nhận việc ông Phạm Văn D được trợ vốn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) từ Quỹ V, thời hạn 36 tháng, phí trợ vốn 0.7%/tháng, phí CLN: 0.15%/tháng, tính theo phương thức góp, hình thức trả làm 3 kỳ (12 tháng trả 1 kỳ) là có căn cứ.

Tuy nhiên, ngày 01/3/2015 đợt vay đã hết hạn nhưng ông Phạm Văn D vẫn còn nợ Quỹ V vốn: 33.200.000 đồng, phí trợ vốn: 8.400.000 đồng, phí CLN: 1.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông D phải trả cho Quỹ V là 43.400.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Quỹ V đã liên tục đôn đốc đòi nợ nhưng ông D cố tình lẩn tránh không chịu hoàn trả số tiền trên. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là Hợp đồng số XXX/HĐTN-TT-CCM/2011 ngày XX tháng XX năm XXXX ký kết giữa Quỹ trợ vốn V và Hợp tác xã T, mục đích là hỗ trợ vốn cho các xã viên mua bột sản xuất muối theo chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của Thành phố giai đoạn 2011-2015. Ngoài ra, nguyên đơn cung cấp Đơn xin trợ vốn của ông Phạm Văn D gửi Giám đốc Quỹ trợ V, có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn D, ông Phan Thành T và ông Hoàng Kinh T. Bên cạnh đó, nguyên đơn cũng cung cấp Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn ngày 28/12/2011 có tên ông Phạm Văn D với số tiền trợ cấp nhận được là 50.000.000 đồng có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn D. Cho đến nay, đợt vay đã hết hạn nhưng ông D vẫn còn nợ Quỹ V tổng cộng 43.400.000 đồng dù Quỹ V đã nhiều lần đôn đốc trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn ông Phạm Văn D không thừa nhận khoản nợ nêu trên với Quỹ V, ông cho rằng ông không nợ Quỹ V mà Hợp tác xã T còn nợ ông 40.000.000 đồng. Đó là khoản tiền từ lô muối mà ông đã đưa cho Hợp tác xã T để trừ nợ, giá trị lô muối là 40.000.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã T ông Phan Thành T tại Bản tự khai ngày 26/8/2011 cho biết không hề nhận lô muối để trừ nợ như phần trình bày của ông Phạm Văn D, Hợp tác xã T không nợ ông D 40.000.000 đồng cũng như không có trách nhiệm trong khoản nợ của ông Phạm Văn D và Quỹ V. Ngoài ra ông Phạm Văn D trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ cho thấy việc đưa lô muối cho Hợp tác xã T cũng như việc Hợp tác xã T đang nợ ông 40.000.000 đồng như trong bản lời khai. Như vậy, việc ông Phạm Văn D cho rằng ông không thiếu nợ Quỹ V mà Hợp tác xã T đang thiếu nợ ông 40.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy, đây là khoản vay của ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O để dùng vào mục đích chung của gia đình, vì vậy, ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O phải

có trách nhiệm liên đới với nhau để thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn Quỹ trợ V theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Dũng và bà Trần Thị Ổ có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền 43.400.000 đồng và khoản phát sinh tính đến ngày ông Dũng và bà Ổ thanh toán hết nợ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn Dũng và bà Trần Thị Ổ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 6, 7, 7a, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ V đối với ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O.

Buộc ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ trợ V (Quỹ V) số tiền nợ 43.400.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Quỹ trợ V có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng nếu ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Phạm Văn D và bà Trần Thị O phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Trả cho Quỹ trợ V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.085.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AC/2010/XXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Nguyễn Văn Thụ**